

Số: **118/2021/HNGĐ - ST**

Ngày 28 tháng 01 năm 2021.

Về việc “Tranh chấp
về cấp dưỡng nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Hùng.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Trần Thị Thiếu Liên;

Bà Lê Thị Tố Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1080/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Võ N, sinh năm; 1981; địa chỉ: Số A9 CC H, số 31 đường TP, Khu phố 2, phường B4, quận B, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số 200/5 NHT, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 24/7/2019).

Bị đơn: Ông Lê Công A, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số A9 CC H, số 31 đường TP, Khu phố 2, phường B4, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người tham gia tố tụng khác: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm: 1977; Luật sư - Văn phòng Công ty luật TNHH MTV CT; địa chỉ: Số 200/5 NHT, phường T quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M có đơn yêu cầu được mặt;

Bị đơn ông Lê Công A vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Võ N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Võ N và ông Lê Công A sống chung với nhau có đăng ký kết hôn; do mâu thuẫn vợ chồng nên bà N và ông A đã ly hôn theo Bản án số 848/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Theo quyết định của bản án chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông A, giao con chung Lê Võ Ân cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung đối với căn nhà A.1209 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, khu phố 2, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Trong đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông Lê Công A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng và chia tài sản chung là căn hộ số A.1209 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, trong đơn đề ngày 06/8/2019 bà Nguyễn Thị Võ N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là căn hộ số A.1209 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lê Công A đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M có đơn yêu cầu vắng mặt; không có ý kiến gì về việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung, nhưng đã có đơn đề ngày 11/01/2021 yêu cầu bà N cho rằng chi phí cho trả Ân phát tiền bình thường khoảng 15.000.000 đồng/tháng, nên yêu cầu buộc ông A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 20% trên số tiền thu nhập của ông A do Tòa án đã thu thập được.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, nên đề

ngiht xét xử vụ án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, mức thu nhập thực tế của ông A là 70.000.000 đồng/tháng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo mức cấp dưỡng trong đơn khởi kiện là 10.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan hệ hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Võ N yêu cầu ông Lê Công Anh cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn; đã được Tòa án thụ lý giải quyết quan hệ pháp luật “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Võ N và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Diễm M, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là căn hộ A.1209 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Xét thấy, việc bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là tự nguyện, đúng phát luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn và chỉ xem xét giải quyết quan hệ pháp luật “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”, theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh do Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh xác nhận ngày 23/9/2019 thể hiện; “Đương sự Lê Công A, sinh năm: 1982 có đăng ký tạm trú và hiện thực tế cư trú tại A.1209 (A9 tầng 13) Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, khu phố 2, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân”; là đúng với thông tin địa chỉ của bị đơn mà nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Võ N đối với ông Lê Công A, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; theo quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 35 và Điều a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Lê Công A nhưng vẫn vắng mặt; tại phiên họp, kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông A vẫn cố tình vắng mặt. Trong đơn đề ngày 23/11/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà M yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Xét thấy, việc bị đơn vắng mặt tại phiên họp và nguyên đơn yêu cầu không hòa giải vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 207 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn; bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, theo quy định tại các Điều 175, 178, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự luật định đối với bị đơn; nguyên đơn và người bảo vệ và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, nên đề nghị xét xử vắng mặt đối với các đương sự và người bảo vệ và lợi ích hợp pháp của đương. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Công A không có đơn yêu cầu phản tố và cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn có đơn yêu cầu được vắng mặt. Trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, việc xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn; bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 227 và các Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần quyết định của bản án dân sự số 848/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh thể hiện; bà Nguyễn Thị Võ N ly hôn đối với ông Lê Công A, giao con chung tên Lê Võ Ân, sinh ngày 25/5/2013 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận. Đã có cơ sở khẳng định giữa bà N và ông A có một con chung trẻ Lê Võ Ân, sinh ngày 25/5/2013 do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại thời điểm Tòa án giải quyết việc ly hôn, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không được Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên, trong thời gian nuôi con, do việc làm và kinh tế không được ổn định, việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con gặp khó khăn; tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019, bà Nguyễn Thị Võ N yêu cầu ông Lê Công A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp quy định tại Khoản 24 Điều 3, Khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về mức cấp dưỡng nuôi con thấy; trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công A đều cố tình vắng mặt; theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì các đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nhưng ông A không thực hiện, nên được coi là đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và phải chịu mọi hậu quả pháp lý về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Võ N yêu cầu ông Lê Công A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án, trong đơn đề ngày 11/01/2021, bà Nguyễn Thị Võ N cho rằng; thực tế hiện tại bà chi phí thiết yếu, để đảm bảo cho trẻ Lê Võ Ân phát triển bình thường về thể chất và tinh thần gồm: ăn, ở, học tập, đi lại, chi phí khám chữa bệnh...trong một tháng, tổng cộng là 15.000.000 đồng; nên yêu cầu buộc ông Lê Công A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 20% trên tổng thu nhập trung bình hàng tháng của ông A mà Tòa án đã thu thập được là 70.000.000 đồng.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể. Tuy nhiên, tại Khoản b Điều 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối Cao hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; thì tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý; và nội dung hướng dẫn này đã được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng nuôi con như sau: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu thập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, tại Công văn số 08/2020/SEHC-HR ngày 10/8/2020, kèm theo bản photo xác nhận bảng lương của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử SAMSUNG HCMC CE COMPLEX, đã có cơ sở xác định ông Lê Công A hiện đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử SAMSUNG HCMC CE COMPLEX, với mức thu nhập thực tế bằng lương trung bình trong ba tháng liền kề tại thời điểm từ tháng 6,7,8 năm 2020 là 70.000.000 đồng/tháng.

Trong bài phát biểu luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Huỳnh Thanh Đ lập luận rằng; với nhu cầu thiết yếu của trẻ Ân hiện tại thì theo yêu cầu của bà N theo mức 20% trên thu nhập thực tế của ông A là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát cho rằng; trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông A có mức thu nhập thực tế là 70.000.000 đồng/tháng nên đơn khởi kiện bà N yêu cầu mức 10.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện sống tại TP. Hồ Chí Minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà N và đề nghị của luật sư về mức cấp dưỡng 20%/tháng trên mức thu nhập thực tế của ông A là chưa có cơ sở thuyết phục. Bởi lẽ, Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng là căn cứ vào thu nhập, khả

năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và phải hợp lý. Thực tế hiện tại thì mức thu nhập của ông A là 70.000.000 đồng/tháng do Công ty TNHH điện tử Samsung HCMC CE COMPLEX chi trả; nhưng mức thu nhập này có thể bị thay đổi theo từng giai đoạn công việc làm của ông A. Nên sự cần thiết phải xem xét tính hợp lý về nhu cầu thiết yếu của trẻ Ân để quyết định cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường tại địa phương nơi trẻ Ân đang sinh sống, vừa đảm bảo cho trẻ đủ điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần vừa đảm bảo tính hợp lý cho người cấp dưỡng. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy, với mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng /tháng theo yêu cầu của nguyên đơn trong đơn khởi kiện là phù hợp với điều kiện sinh hoạt của trẻ tại đại phương TP. Hồ Chí Minh trong thực tế hiện nay nên chấp nhận; buộc ông Lê Công A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi trẻ Ân trưởng thành đủ 18 tuổi và lao động được.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì; “Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Việc quyết định về mức cấp dưỡng là căn cứ vào mức thu nhập hàng tháng của ông A tại thời điểm xét xử vụ án. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng có thể bị thay đổi, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể từng giai đoạn công việc làm của người cấp dưỡng và tùy vào điều kiện cụ thể nơi người được cấp dưỡng sinh sống. Nếu ông A có thay đổi vị trí việc làm giảm mức thu nhập hàng tháng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án không phù hợp với tình hình kinh tế, điều kiện sinh sống của người được cấp dưỡng; thì vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp.

[3]. Xét trách nhiệm chịu án phí:

Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận. Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định: Người cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch; đã có căn cứ buộc ông Lê Công A phải phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

Về tiền tạm ứng án phí thì do yêu cầu của bà N đã được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên quyết định hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà N là 3.750.000 đồng; theo biên lai thu tiền số 0018746 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

[4]. Xét trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản và quyền yêu cầu thi hành án.

Theo hướng dẫn tại Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối Cao; thì trong trường hợp người phải thi hành án không thực đúng

nghĩa vụ về tài sản thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong vụ án này, ông Lê Công A là người phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng 10.000.000 đồng, nên ông A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của pháp luật, trong trường hợp ông A không thực hiện đúng trách nhiệm cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Quyền yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 207, 210, 227, 228, 233, 235, 264, 266, 267, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 20 Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành kèm theo danh mục về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Võ N đối với ông Lê Công A về cấp dưỡng nuôi con;

Buộc ông Lê Công A phải chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Võ Ân, sinh ngày 25/5/2013 mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trẻ Lê Võ Ân trưởng thành đủ 18 tuổi và lao động được.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Võ N, về chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với căn hộ số A.1209 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, số 31 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

[3]. Buộc ông Lê Công A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

[4]. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Võ N là 3.750.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018746 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

[5]. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Võ N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Công A còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357,468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7]. Bà Nguyễn Thị Võ N và ông Lê Công A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát Nhân dân quận Bình Tân có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát Nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Hùng